

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ IV KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ IV KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

NỘI DUNG	TRANG
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01a – DN)	1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02a – DN)	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03a – DN)	4
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09a – DN)	5



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0314445458 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 8 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng Quản trị

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 14/08/2025
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 14/08/2025
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025

Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025
(*) Ông Nguyễn Việt Cường	Phó ban	Tái bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 14/08/2025
Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 14/08/2025

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 30/04/2026
Ông Tan Bo Quan, Andy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 30/04/2026
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 1/5/2026
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2026
Ông Đặng Đình Quyết	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 11/03/2025
Ông Đào Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2025
Bà Phạm Thị Mai Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 26/03/2026
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 07/05/2026
Ông Lưu Khánh Trường	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tan Bo Quan, Andy	Tổng Giám đốc

(*) Đã nộp đơn từ nhiệm chức vụ ngày 09/1/2026 và đang chờ Đại hội đồng cổ đông thông qua

Trụ sở chính

LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo Tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng của Công ty thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 1 đến trang 44. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tan Bo Quan, Andy
Tổng giám đốc

Ngày 13 tháng 05 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.742.615.597.295	3.312.360.018.964
110	Tiền	3	10.625.749.278	58.337.410.053
111	Tiền		10.625.749.278	37.622.660.613
112	Các khoản tương đương tiền		-	20.714.749.440
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		592.380.000	592.380.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		592.380.000	592.380.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		3.729.153.850.393	3.251.450.204.927
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	56.799.205.187	53.122.729.860
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	295.529.627.300	1.717.368.602
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	7(a)	843.066.220.887	833.446.180.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	2.591.676.912.309	2.421.082.041.755
137	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		(57.918.115.290)	(57.918.115.290)
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.243.617.624	1.980.023.984
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	2.243.617.624	653.648.646
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(b)	-	1.326.375.338
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		4.358.818.225.404	4.787.825.433.793
210	Các khoản phải thu dài hạn		82.378.197.260	216.710.749.440
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7(b)	-	216.700.749.440
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	82.378.197.260	10.000.000
220	Tài sản cố định		5.158.659.047	5.873.563.127
221	Tài sản cố định hữu hình	10	5.158.659.047	5.873.563.127
222	Nguyên giá		10.011.187.166	9.674.875.456
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.852.528.119)	(3.801.312.329)
240	Tài sản dở dang dài hạn		1.751.640.673	678.081.473
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.751.640.673	678.081.473
250	Đầu tư tài chính dài hạn		4.269.502.957.944	4.564.509.824.994
251	Đầu tư vào công ty con	6(a)	5.421.375.173.850	5.421.375.173.850
252	Đầu tư vào công ty liên kết	6(b)	500.774.131.481	500.774.131.481
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6(c)	82.145.000.000	82.145.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	6	(1.734.791.347.387)	(1.439.784.480.337)
260	Tài sản dài hạn khác		26.770.480	53.214.759
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	26.770.480	53.214.759
270	TỔNG TÀI SẢN		8.101.433.822.699	8.100.185.452.757

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.684.433.288.960	1.599.039.774.204
310	Nợ ngắn hạn		1.684.433.288.960	1.545.118.603.991
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11(a)	591.109.423.136	530.962.385.871
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	833.373.000.000	833.373.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(a)	1.550.242.982	1.019.233.592
314	Phải trả người lao động		2.172.977.500	2.205.069.091
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	10.481.708.742	5.094.922.302
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		114.021.887.481	114.021.887.481
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	504.323.119	272.379.654
320	Vay ngắn hạn	16	131.219.726.000	58.169.726.000
330	Nợ dài hạn		-	53.921.170.213
331	Phải trả người bán dài hạn	11(b)	-	53.921.170.213
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.417.000.533.739	6.501.145.678.553
410	Vốn chủ sở hữu		6.417.000.533.739	6.501.145.678.553
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	(882.999.466.261)	(798.854.321.447)
421a	- LNST chưa phân phối/(lỗ) lũy kế của các năm trước		(798.854.321.447)	60.624.357.345
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ này/năm nay		(84.145.144.814)	(859.478.678.792)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		8.101.433.822.699	8.100.185.452.757



Nguyễn Thị Kim Nhung
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Tan Bo Quan, Andy
Tổng giám đốc
Ngày 13 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CHO KỶ KẾ TOÁN QUÝ IV NĂM 2025

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày		Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
		31.12.2025	31.12.2024	31.12.2025	31.12.2024
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.693.528.711	14.446.682.000	54.836.579.711	53.659.349.000
10	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	11.693.528.711	14.446.682.000	54.836.579.711	53.659.349.000
11	Giá vốn dịch vụ cung cấp	(7.602.746.412)	(7.378.668.237)	(27.717.417.693)	(28.682.127.797)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	4.090.782.299	7.068.013.763	27.119.162.018	24.977.221.203
21	Doanh thu hoạt động tài chính	56.349.094.126	44.664.682.459	220.225.457.184	365.626.203.753
22	Chi phí tài chính	(68.636.053.490)	(1.106.786.098.391)	(303.057.620.469)	(1.153.707.767.560)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(3.131.017.749)	(4.977.017.278)	(8.050.753.419)	(17.542.426.887)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(8.515.191.650)	(69.592.036.014)	(28.286.547.949)	(91.588.566.790)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(16.711.368.715)	(1.124.645.438.183)	(83.999.549.216)	(854.692.909.394)
31	Thu nhập khác	-	-	-	33.700.500
32	Chi phí khác	(46.366.555)	(4.638.004.072)	(145.595.598)	(4.819.469.898)
40	Lỗ khác	(46.366.555)	(4.638.004.072)	(145.595.598)	(4.785.769.398)
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(16.757.735.270)	(1.129.283.442.255)	(84.145.144.814)	(859.478.678.792)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	39.550.856.928	-	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
60	Lỗ sau thuế TNDN	(16.757.735.270)	(1.089.732.585.327)	(84.145.144.814)	(859.478.678.792)





Nguyễn Thị Kim Nhung
Người lập

Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng

Tan Bo Quan, Andy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
		31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
		LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
01		(84.145.144.814)	(859.478.678.792)
02		1.051.215.790	1.014.605.263
03		295.006.867.050	1.188.276.892.655
05		(70.599.012.969)	(90.783.607.448)
06		8.050.753.419	17.542.426.887
		149.364.678.476	256.571.638.565
08			
09		(227.473.877.324)	128.075.161.059
11		5.470.352.981	584.799.398.724
12		(1.563.524.699)	2.823.448.897
14		(1.177.591.644)	(18.738.188.192)
20		(75.379.962.210)	953.531.459.053
		LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
21		(1.235.050.110)	(164.545.850)
23		(121.018.000.000)	(877.290.877.440)
24		328.098.708.553	581.291.428.000
25		(294.030.000.000)	(803.023.992.000)
26		-	422.812.350
27		42.802.642.992	177.343.673.134
30		(45.381.698.565)	(921.421.501.806)
		LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
33		275.000.000.000	397.905.596.000
34		(201.950.000.000)	(386.630.870.000)
40		73.050.000.000	11.274.726.000
50		(47.711.660.775)	43.384.683.247
60	3	58.337.410.053	14.952.726.806
61		-	-
70	3	10.625.749.278	58.337.410.053

Nguyễn Thị Kim Nhung
Người lập

Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng

Tan Bo Quan, Andy
Tổng giám đốc
Ngày 13 tháng 05 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ IV KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 20 vào ngày 8 tháng 5 năm 2026 về việc thay đổi Tổng giám đốc Đại diện pháp luật.

Chi tiết cổ đông của Công ty và tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 17.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 12 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, 7 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 12 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, 7 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2025		31.12.2024	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp							
1	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thanh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Tây Ninh	90,00	90,00	90,00	90,00
2	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Ia Rsai, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Trung Ngãi, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công Ty Cổ Phần Skylar	Sx điện - tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50,97	50,23	50,97	50,23
7	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Gia Hòa, Cần Thơ	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Duyên Hải, Vĩnh Long	100,00	99,90	100,00	99,90
9	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Duyên Hải, Vĩnh Long	100,00	99,93	100,00	99,93
10	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2025		31.12.2024	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp (tiếp theo)							
11	Công Ty Cổ Phần BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Sản xuất điện	Điện Biên	99,98	99,98	99,98	99,98
12	Công Ty Cổ Phần Aton	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	85,00	85,00	85,00	85,00
Công ty con gián tiếp							
1	Công Ty Cổ Phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
2	Công Ty Cổ Phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
3	Công Ty Cổ Phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Tây Ninh	99,90	50,23	99,90	50,23
5	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thanh Hóa, Tây Ninh	99,90	50,23	99,90	50,23
6	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99,80	98,80	99,80	98,80
Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp							
1	Công Ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công Ty TNHH BGE O&M	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Xử lý và tiêu hủy rác	TP. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	25,00	25,00
4	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	Xử lý và tiêu hủy rác	Tân Tây, Tây Ninh	45,00	45,00	45,00	45,00
5	Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	Xử lý và tiêu hủy rác	Vĩnh Thông, An Giang	45,00	45,00	45,00	45,00
6	Công Ty Cổ Phần TSN Hà Nam	Xử lý và tiêu hủy rác	Duy Hà, Ninh Bình	45,00	45,00	45,00	45,00
7	Công Ty Cổ Phần TSN Huế	Xử lý và tiêu hủy rác	TP Huế	45,00	45,00	45,00	45,00
Công ty liên doanh ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con							
1	Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

- (i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 86 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 74 nhân viên).



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ cuối các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(d) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(e) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(f) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

- (i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.
- (iii) Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí cho các bên tham gia BCC trong kỳ theo tỷ lệ tham gia.
- (iv) Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính riêng trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận tài sản trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng dựa vào ngày thông báo của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.20 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu; dự phòng đầu tư tài chính; chi phí tài chính khác.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ kế toán hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và các công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

3 TIỀN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	10.625.749.278	37.622.660.613
Các khoản tương đương tiền	-	20.714.749.440
	<u>10.625.749.278</u>	<u>58.337.410.053</u>

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	56.799.205.187	53.122.729.860
	<u>56.799.205.187</u>	<u>53.122.729.860</u>

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	100.000.000	-
Bên thứ ba		
Vũ Ngọc Tiến (*)	294.030.000.000	-
Viện Năng Lượng	980.000.000	980.000.000
Khác	419.627.300	737.368.602
	<u>295.529.627.300</u>	<u>1.717.368.602</u>

(*) Đây là khoản tiền trả trước thanh toán liên quan đến việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công Ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 từ Ông Vũ Ngọc Tiến theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 0115/2025/HĐMBCP-KL1/VNT-BCGE ký ngày 15 tháng 01 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31.12.2025			Tại ngày 31.12.2024		
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	1.062.539.986.488	(*)	(373.324.212.087)	1.062.539.986.488	(*)	(373.324.212.087)
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	806.475.000.000	(*)	(32.502.732.944)	806.475.000.000	(*)	(17.936.632.600)
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	761.525.278.271	(*)	-	761.525.278.271	(*)	-
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	742.500.000.000	(*)	(280.395.705.767)	742.500.000.000	(*)	(146.534.601.753)
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	567.350.000.000	(*)	(163.665.440.867)	567.350.000.000	(*)	(81.056.008.157)
Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	540.000.000.000	(*)	(233.679.793.835)	540.000.000.000	(*)	(224.876.353.904)
Công Ty Cổ Phần Skylar	495.000.000.000	(*)	(50.591.891.850)	495.000.000.000	(*)	(14.022.961.093)
Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	181.340.909.091	(*)	(15.284.741.623)	181.340.909.091	(*)	(14.126.238.335)
Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	122.400.000.000	(*)	(24.486.168.755)	122.400.000.000	(*)	(8.131.899.398)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thanh Hóa (**)	108.000.000.000	(*)	(2.245.739.670)	108.000.000.000	(*)	(2.239.493.401)
Công Ty Cổ Phần BCG Điện Gió Điện Biên Đông	29.994.000.000	(*)	(19.721.048)	29.994.000.000	(*)	(6.650.941)
Công Ty Cổ Phần Aton	4.250.000.000	(*)	(9.546.861)	4.250.000.000	(*)	(1.471.340)
	5.421.375.173.850		(1.176.205.695.307)	5.421.375.173.850		(882.256.523.009)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản đầu tư này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "31. Vấn đề khác" của báo cáo này.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tại ngày 31.12.2025			Tại ngày 31.12.2024		
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Dự phòng VND
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	369.494.648.148	(*)	(369.494.648.148)	369.494.648.148	(*)	(369.494.648.148)
Công Ty Cổ Phần TSN Hà Nam	3.130.833.333	(*)	(3.130.833.333)	3.130.833.333	(*)	(3.130.833.333)
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	47.275.833.333	(*)	(47.275.833.333)	47.275.833.333	(*)	(47.275.833.333)
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	11.718.750.000	(*)	(11.718.750.000)	11.718.750.000	(*)	(11.718.750.000)
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	42.419.166.667	(*)	(42.419.166.667)	42.419.166.667	(*)	(42.419.166.667)
Công Ty TNHH Skylight Power	24.529.900.000	(*)	(3.342.586.574)	24.529.900.000	(*)	(2.304.900.935)
Công Ty TNHH BGE O&M	2.205.000.000	(*)	-	2.205.000.000	(*)	-
	500.774.131.481		(477.381.818.055)	500.774.131.481		(476.344.132.416)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào đơn vị khác

	Tại ngày 31.12.2025		Tại ngày 31.12.2024	
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	785.000.000	(*)	785.000.000	(*)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG - Bàng Dương	360.000.000	(*)	360.000.000	(*)
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1 (**)	59.400.000.000	(*)	59.400.000.000	(*)
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Dương Phong	21.600.000.000	(*)	21.600.000.000	(*)
	82.145.000.000		82.145.000.000	
				(183.824.912)
				(183.824.912)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản đầu tư này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "31. Vấn đề khác" của báo cáo này.

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b)) (*)	818.112.220.887	764.267.180.000
Bên thứ ba		
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Thạnh Diamond	-	46.000.000.000
Công Ty Cổ Phần E Power 1	23.502.000.000	21.782.000.000
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Dương Phong	1.452.000.000	1.397.000.000
	<u>843.066.220.887</u>	<u>833.446.180.000</u>

Số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 0%/năm đến 14,05%/năm và kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 49 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lãi suất từ 0%/năm đến 14,05%/năm và kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 61 tháng). Kỳ hạn còn lại của các khoản vay này là từ 5 tháng đến 12 tháng.

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản phải thu cho vay này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "31. Vấn đề khác" của báo cáo này.

(b) Dài hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	216.700.749.440

Số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 lãi suất 9%/năm và kỳ hạn gốc từ 24 tháng đến 39 tháng.

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đặt cọc	711.871.050.297	-	711.861.050.297	-
<i>Nguyễn Thị Bích Lan(*)</i>	592.896.600.000	-	592.896.600.000	-
<i>Công Ty TNHH Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu – Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàng Vũ (**)</i>	118.935.250.000	-	118.935.250.000	-
<i>Đối tượng khác</i>	49.200.297	-	29.200.297	-
Tạm ứng	375.029.447	-	145.299.999	-
Phải thu gốc BCC (***) (i)	1.659.813.855.067	-	1.659.813.855.067	-
Lãi từ cho vay và BCC (i)	218.647.536.513	-	48.302.395.407	-
Phải thu khác	959.440.985	671.608.690	959.440.985	671.608.690
	2.591.676.912.309	671.608.690	2.421.082.041.755	671.608.690
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	1.876.809.184.551	671.608.690	1.707.179.109.474	671.608.690
Bên thứ ba	714.867.727.758	-	713.902.932.281	-
	2.591.676.912.309	671.608.690	2.421.082.041.755	671.608.690

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Nguyễn Thị Bích Lan theo Hợp đồng về việc đặt cọc và các nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(**) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công Ty CP BCG Vĩnh Long từ Công Ty TNHH Sản Xuất – Xuất Nhập Khẩu – Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàng Vũ theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2024/HĐMBCP/HV-BCGE ký ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(***) Theo BCC số 270421BCG-KL1 ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 5 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận là 9%/năm trên số tiền đã chuyển mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án theo phụ lục số 07 Hợp đồng 270421 BCG – KL1 ngày 07 tháng 10 năm 2024.

(i) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản phải thu gốc BCC, lãi cho vay và lãi BCC này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục “31. Vấn đề khác” của báo cáo này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

(b) Dài hạn

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	910.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu gốc BCC	81.225.000.000	-	-	-
Trong đó:				
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa (*)	35.225.000.000		-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Vịnh Nha Trang (**)	46.000.000.000			
Phải thu lãi BCC	243.197.260	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa (*)	243.197.260			
	<u>82.378.197.260</u>	-	<u>10.000.000</u>	-

(*) Theo BCC ký ngày 11 tháng 12 năm 2025 giữa Công ty và Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa, hai bên cùng nhau hợp tác hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa (tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, TP HCM). Thời gian hợp tác là 60 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng và việc phân chia lợi nhuận Bên đóng góp nhận được một phần của khoản thu nhập trước thuế từ lợi nhuận Dự án tạo ra, nhưng không ít hơn 12%/ năm. Khoản chi trả lợi nhuận đầu tiên sẽ được thanh toán vào ngày cuối cùng của khoảng thời gian 24 tháng sau ngày góp vốn hợp tác lần đầu, các kỳ tiếp theo sẽ thanh toán vào ngày cuối cùng của chu kỳ 6 tháng

(**) Theo BCC ký ngày 6 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Vịnh Nha Trang, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió E&M Đắc Lắc. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và việc phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí khác chờ phân bổ	<u>2.243.617.624</u>	<u>653.648.646</u>

(b) Dài hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	25.617.057	42.658.136
Chi phí khác chờ phân bổ	1.153.423	10.556.623
	<u>26.770.480</u>	<u>53.214.759</u>

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	155.200.001	9.468.775.455	50.900.000	9.674.875.456
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	155.200.001	9.468.775.455	387.211.710	10.011.187.166
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	131.041.652	3.619.370.677	50.900.000	3.801.312.329
Khấu hao trong năm	22.299.996	968.976.096	59.939.698	1.051.215.790
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	153.341.648	4.588.346.773	110.839.698	4.852.528.119
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	24.158.349	5.849.404.778	-	5.873.563.127
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.858.353	4.880.428.682	276.372.012	5.158.659.047

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 94.600.001 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 94.600.001 Đồng).

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**(a) Ngắn hạn**

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công Ty TNHH Xây Dựng Trường Phát Lợi (Tên cũ: Công Ty TNHH Xây Dựng Thuận Nguyên)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ông Ngô Đức Thắng	324.900.000.000	324.900.000.000	324.900.000.000	324.900.000.000
Ông Nguyễn Văn Lục	142.627.982.231	142.627.982.231	88.706.812.018	88.706.812.018
Các đối tượng khác	31.523.645.265	31.523.645.265	27.705.093.353	27.705.093.353
Bên liên quan Thuyết minh 28(b)	62.057.795.640	62.057.795.640	59.650.480.500	59.650.480.500
	591.109.423.136	591.109.423.136	530.962.385.871	530.962.385.871

(b) Dài hạn

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Ông Nguyễn Văn Lục	-	-	53.921.170.213	53.921.170.213
	-	-	53.921.170.213	53.921.170.213

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên liên quan Thuyết minh 28(b) (i)	833.373.000.000	833.373.000.000

(i) Đây là khoản trả trước liên quan đến việc chuyển nhượng phần vốn góp Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1 và Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2 cho Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy theo Hợp đồng số 01.2021.AURAI.BCGE ký ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Hợp đồng ký kết ngày 27 tháng 12 năm 2022.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước như sau:

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Phải nộp/thu trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
(a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	-	4.392.361.042	(3.081.824.854)	(754.649.672)	555.886.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.019.233.592	4.413.113.024	-	(4.437.990.150)	994.356.466
Thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	<u>1.019.233.592</u>	<u>8.808.474.066</u>	<u>(3.081.824.854)</u>	<u>(5.195.639.822)</u>	<u>1.550.242.982</u>
(b) Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	<u>1.326.375.338</u>	<u>1.755.449.516</u>	<u>(3.081.824.854)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
					<u>=</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí lãi vay	7.287.460.743	414.298.968
Chi phí nhân viên	1.929.209.999	3.890.623.334
Khác	1.265.038.000	790.000.000
	<u>10.481.708.742</u>	<u>5.094.922.302</u>

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	114.590.976	98.329.600
Phải trả khác	389.732.143	174.050.054
	<u>504.323.119</u>	<u>272.379.654</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

16 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 01.01.2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
Các đối tượng khác (i)	58.169.726.000	75.000.000.000	1.950.000.000	131.219.726.000
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	-	200.000.000.000		-
	58.169.726.000	275.000.000.000	201.950.000.000	131.219.726.000

(i) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với đối tượng khác như sau:

Bên cho vay	Số tiền	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Ông Vũ Ngọc Tiến	56.219.726.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/05/2026	10	Tín chấp
Công ty TNHH ĐT&TM Minh Phương Nam Hà Nội	70.000.000.000	Bổ sung vốn cho việc thực hiện các dự án	Đến 30/06/2026	9	Tín chấp
Ông Trương Khác Trung	5.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 19/01/2026	10	Tín chấp

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	730.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital (*)	348.300.000	47,71	348.300.000	47,71
Công ty TNHH Mua bán nợ Nam Sài Gòn (*)	44.600.000	6,11	-	-
Công ty CP Đầu tư và Mua bán nợ Sài Gòn	40.900.000	5,60	-	-
Cổ đông khác	296.200.000	40,58	381.700.000	52,29
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	100	730.000.000	100

(*) Công ty TNHH mua bán nợ Nam Sài Gòn đã ủy quyền biểu quyết cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital với 25 triệu cổ phiếu tương ứng với 3,42% tỷ lệ quyền biểu quyết. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital đang nắm giữ 51,1% quyền biểu quyết tại Công ty.

(c) Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	730.000.000	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	7.300.000.000.000	60.624.357.345	7.360.624.357.345
Tăng vốn trong năm (Lỗ)/lợi nhuận trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	<u>7.300.000.000.000</u>	<u>(798.854.321.447)</u>	<u>6.501.145.678.553</u>
Tại ngày 01/01/2025 (Lỗ)/lợi nhuận trong năm	-	(84.145.144.814)	(84.145.144.814)
Tại ngày 31/12/2025	<u>7.300.000.000.000</u>	<u>(882.999.466.261)</u>	<u>6.417.000.533.739</u>

19 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Kỳ 12 tháng kết thúc ngày

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	<u>54.836.579.711</u>	<u>53.659.349.000</u>

20 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

Kỳ 12 tháng kết thúc ngày

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>27.717.417.693</u>	<u>28.682.127.797</u>

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Kỳ 12 tháng kết thúc ngày

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Lãi từ BCC	149.626.444.215	274.734.951.103
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.599.012.969	80.226.010.650
Cổ tức nhận được	-	10.665.242.000
	<u>220.225.457.184</u>	<u>365.626.203.753</u>

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Dự phòng đầu tư tài chính	295.006.867.050	1.130.358.777.366
Chi phí lãi vay	8.050.753.419	17.542.426.887
Khác	-	5.806.563.307
	<u>303.057.620.469</u>	<u>1.153.707.767.560</u>

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.816.392.204	16.751.561.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.824.789.534	15.288.013.103
Chi phí khấu hao	333.750.439	304.381.577
Chi phí bằng tiền khác	1.311.615.772	1.326.495.014
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	57.918.115.290
	<u>28.286.547.949</u>	<u>91.588.566.790</u>

24 THU NHẬP KHÁC

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Các khoản khác	-	33.700.500
	<u>=</u>	<u>33.700.500</u>

25 CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Các khoản khác	<u>145.595.598</u>	<u>4.819.469.898</u>

26 THUẾ TNDN

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(84.145.144.814)	(859.478.678.792)
Các khoản điều chỉnh tăng	478.167.558	808.574.571.745
Thu nhập không chịu thuế	-	(10.665.242.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	(83.666.977.256)	(61.569.349.047)
Lỗi từ các năm trước chuyển sang	(123.385.480.667)	(61.816.131.620)
Tổng thu nhập tính thuế	(207.052.457.923)	(123.385.480.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

27 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí nhân viên	37.442.146.717	33.859.943.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.680.241.150	24.644.445.713
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.495.987.998	1.014.605.263
Chi phí bằng tiền khác	2.385.589.777	2.833.584.633
	56.003.965.642	62.352.579.297

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ kế toán gồm:

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư-Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	20.866.125.065	20.671.752.000
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	13.578.360.000	13.743.720.000
Công Ty Cổ Phần Skylar	6.754.000.000	6.861.700.000
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	4.184.424.000	3.951.424.000
Công Ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	3.080.784.000	3.314.433.000
Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	3.410.380.000	3.370.320.000
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	1.200.000.000	1.200.000.000
Công Ty TNHH BGE O&M	742.000.000	546.000.000
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	249.253.323	-
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	249.253.323	-
Công Ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	277.000.000	-
Công Ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	245.000.000	-
	54.836.579.711	53.659.349.000
ii) Mua dịch vụ		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	2.220.000.000	11.820.000.000
Công Ty Taxi Việt Nam	23.503.000	96.704.370
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA	490.801.782	352.390.929
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	-	196.809.027
	2.734.304.782	12.465.904.326

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
		31.12.2025	31.12.2024
		VND	VND
iii) Cho Vay			
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	7.046.000.000	267.349.000.000
	Công Ty Cổ Phần Skylar	1.100.000.000	43.866.000.000
	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	1.000.000.000	8.500.000.000
	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	86.540.000.000	7.397.128.000
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	12.607.000.000	80.090.000.000
	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	-	16.050.000.000
	Công Ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	7.000.000.000	29.250.000.000
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	460.000.000	745.000.000
	Công Ty TNHH Skylight Power	-	541.000.000
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	3.490.000.000	451.000.000
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	229.414.000.000
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	900.000.000
	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	-	20.714.749.440
	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	-	53.220.000.000
		119.243.000.000	758.487.877.440
iv) Lãi Cho Vay			
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	13.411.019.998	52.280.349.780
	Công Ty Cổ Phần Skylar	5.433.415.892	3.862.287.617
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	13.497.774.181	6.209.109.572
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	22.675.285.973	6.790.593.452
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	13.390.027	256.143.452
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	38.071.942	213.862.408
	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	39.325.808	535.757.794
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	147.391.396	127.887.289
	Công Ty Cổ phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	2.434.929.529	53.886.029
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	738.867.698	3.175.439.669
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	53.999.997	54.147.944
	Công Ty TNHH Skylight Power	-	57.168.742
	Công Ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	3.251.897.261	585.135.617
	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	2.250.003	2.256.167
	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	4.795.890	-
	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	1.864.327.452	316.680.279
	Công Ty Cổ Phần TSN Long An	4.789.800.004	-
		68.396.543.051	74.520.705.811

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
		31.12.2025	31.12.2024
		VND	VND
v) Lãi hợp tác kinh doanh			
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	149.383.246.955	274.734.951.103
	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	243.197.260	-
		<u>149.626.444.215</u>	<u>274.734.951.103</u>
vi) Cổ tức và lợi nhuận được chia			
	Công Ty TNHH BGE O&M	-	10.665.242.000
		<u>=</u>	<u>=</u>
vii) Thu hồi cho vay			
	Công Ty Cổ Phần Skylar	-	6.558.000.000
	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	-	7.400.000.000
	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	9.968.000.000	11.308.300.000
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	2.520.180.000	-
	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	1.644.000.000	-
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	28.490.000.000	-
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	3.394.000.000	-
	Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	192.592.000.000	37.642.000.000
	Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	-	8.500.000.000
	Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	8.265.528.553	4.397.128.000
	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	-	454.510.000.000
	Công Ty TNHH Skylight Power	-	541.000.000
		<u>246.873.708.553</u>	<u>530.856.428.000</u>
viii) Vay			
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	200.000.000.000	162.000.000.000
ix) Thanh toán gốc vay			
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	200.000.000.000	162.000.000.000
x) Lãi đi vay			
	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	383.561.644	7.408.493.810

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 12 tháng kết thúc ngày	
		31.12.2025	31.12.2024
		VND	VND
xi)	Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt		
	Họ và tên	Chức danh	
	Hội đồng quản trị		
	Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch HĐQT	315.000.000 -
	Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT	225.000.000 -
	Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên HĐQT	90.000.000 -
	Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên HĐQT	90.000.000 -
	Ông Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	90.000.000 -
	Ban Kiểm Soát		
	Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	490.500.000 504.000.000
	Ông Nguyễn Viết Cương	Phó ban kiểm soát	87.264.000 93.800.000
	Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên kiểm soát	35.172.000 -
	Ban Tổng giám đốc		
	Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	1.179.800.000 1.360.400.000
	Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó tổng giám đốc	1.169.580.000 1.381.172.381
	Ông Nguyễn Giang Nam	Phó tổng giám đốc	1.475.543.128 975.005.143
	Ông Hoàng Trung Thành	Phó tổng giám đốc	154.740.000 890.691.429
	Ông Đặng Đình Quyết	Phó tổng giám đốc	659.980.000 327.700.000
	Ông Phạm Lê Quang	Phó tổng giám đốc	1.179.680.000 303.445.714
	Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó tổng giám đốc	- 302.800.000
		7.242.259.128	6.139.014.667

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	21.386.729.600	23.488.100.800
Công Ty Cổ Phần Skylar	10.230.161.500	9.468.841.500
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	7.970.181.960	4.642.935.240
Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	8.535.974.400	4.852.764.000
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	1.597.268.160	531.256.320
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	5.652.742.389	7.605.152.000
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	324.000.000	1.944.000.000
Công Ty TNHH BGE O&M	-	589.680.000
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	269.193.589	-
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	-	-
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	269.193.589	-
Công Ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	299.160.000	-
Công Ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	264.600.000	-
	56.799.205.187	53.122.729.860
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	244.980.000.000	244.980.000.000
Công Ty Cổ Phần Skylar	60.428.000.000	59.328.000.000
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	99.719.000.000	87.112.000.000
Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	-	9.968.000.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	36.250.000.000	29.250.000.000
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	600.000.000
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	25.000.000	25.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	251.176.000.000	272.620.000.000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	460.000.000	2.520.180.000
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	3.490.000.000	1.644.000.000
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	53.220.000.000	53.220.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	46.049.471.447	3.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	1.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	20.714.749.440	-
	818.112.220.887	764.267.180.000
iii) Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	3.394.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	192.592.000.000
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	-	20.714.749.440
	-	216.700.749.440

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
iv) Phải thu ngắn hạn khác		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	1.830.511.339.098	1.684.734.375.150
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tâm Nhìn Năng Lượng Sạch	6.544.695.451	9.551.932.847
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	18.374.635.914	4.876.861.733
Công Ty Cổ Phần Skylar	6.104.811.725	1.371.395.833
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	959.440.985	959.440.985
Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	39.325.808	394.718.694
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	38.071.942	389.348.494
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	13.390.028	365.191.402
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	147.391.396	265.130.441
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	738.867.698	3.244.229.256
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	119.243.831	65.243.834
Công Ty TNHH Skylight Power	57.168.742	57.168.742
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	3.837.032.878	585.135.617
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	4.506.170	2.256.167
Công Ty Cổ phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	2.343.659.260	-
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	4.789.800.004	-
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	2.181.007.731	316.680.279
Công Ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	4.795.890	-
	1.876.809.184.551	1.707.179.109.474
v) Phải thu dài hạn khác		
Công Ty Cổ phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	35.468.197.260	-
	35.468.197.260	-
vi) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	58.000.000.000	58.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	4.044.800.000	1.647.200.000
Công Ty Taxi Việt Nam	12.995.640	3.280.500
	62.057.795.640	59.650.480.500
vii) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	833.373.000.000	833.373.000.000
	833.373.000.000	833.373.000.000
viii) Trả trước cho người bán		
Công Ty Taxi Việt Nam	100.000.000	-
	100.000.000	-

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.12.2025	31.12.2024
	VND	VND
Dưới 1 năm	3.725.000.000	4.808.600.000
Từ 1 đến 5 năm	12.849.000.000	980.100.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	16.574.000.000	5.788.700.000

31 VẤN ĐỀ KHÁC

Trong năm tài chính, thông qua quá trình tự rà soát và cập nhật thông tin, Công ty có ghi nhận một số thông tin (chưa được các ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi thông báo/xác nhận chính thức) liên quan đến việc thực hiện chào bán, đấu giá tài sản tại một số đơn vị thành viên, cụ thể như sau:

- Ngày 30/03/2025, Ngân hàng TMCP Nam Á có phát hành thông báo chào bán tài sản số 84F/2025/TB-AMC liên quan đến chào bán tài sản bảo đảm là toàn bộ cổ phần do Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hoá phát hành (số lượng cổ phần chào bán là 12.000.000 cổ phần). Khoản cổ phần này đang được Công ty trình bày là khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính tại Thuyết minh 06 – Các khoản đầu tư tài chính.
- Ngày 29/08/2025, Ngân hàng TMCP Nam Á có phát hành thông báo kết quả chào bán tài sản số 1142/2025/TB-AMC liên quan đến tài sản đảm bảo là Quyền và lợi ích phát sinh từ việc kinh doanh khai thác dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1. Bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Quyền kinh doanh, khai thác, phát triển dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1; (ii) Toàn bộ nguồn thu cùng với tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1; (iii) Toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác hiện có hoặc hình thành trong tương lai bất kể phát sinh từ dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.
- Ngày 04/12/2025, Công ty đấu giá hợp danh Cao Nguyên có phát hành thông báo số 1012.02/2025/TBĐG-CAONGUYEN về thông báo đấu giá tài sản là cổ phần/cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 do Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2 phát hành (Số lượng cổ phần/cổ phiếu đấu giá là 29.700.000 cổ phần).
Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính này, Công ty đang có khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với số dư gốc phải thu là 1.659.813.855.067 đồng và số dư lãi phải thu là 148.022.198.058 đồng vào dự án Khai Long 1, số dư phải thu gốc và lãi cho vay là 273.851.285.973 đồng; Công ty đang có số dư phải thu lãi cho vay là 738.867.698 đồng với Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2; số dư phải thu cho vay và lãi cho vay là 29.506.170 với Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa.
Công ty chưa có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy mức độ ảnh hưởng cụ thể. Tuy nhiên, trong trường hợp giá trị thu hồi thấp hơn giá trị ghi sổ, Công ty có khả năng phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính và dự phòng các khoản phải thu cho một phần hoặc toàn bộ số dư nêu trên là 2.188.209.973.296 đồng.

Các bộ phận liên quan chỉ được tiếp cận thông tin dựa trên tin tức công khai và đã báo cáo đầy đủ các thông tin nêu trên cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát trên

31 VẤN ĐỀ KHÁC (tiếp theo)

nguyên tắc kế toán thận trọng, tuân thủ các chuẩn mực, quy định hiện hành để ra quyết định. Với vai trò là cấp quản lý điều hành làm việc trực tiếp với đối tác, có đầy đủ thông tin và nắm bắt bản chất tình hình thực tế của các giao dịch, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát có những đánh giá cụ thể, chi tiết như sau:

- Các thông báo chào bán, kết quả đấu giá tài sản bảo đảm nêu trên là hành vi đơn phương của tổ chức tín dụng theo quy trình xử lý nợ. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính, chưa phát sinh quyết định thi hành cưỡng chế, bản án có hiệu lực pháp luật, hay giao dịch chuyển nhượng hoàn tất dẫn đến việc Công ty mất quyền sở hữu hoặc kiểm soát đối với các tài sản, khoản đầu tư liên quan;
- Công ty vẫn đang nắm giữ quyền biểu quyết tại các đơn vị thành viên theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
- Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát đã và đang phối hợp, trao đổi với các tổ chức tín dụng và các bên liên quan để tìm hiểu về hiện trạng và phương án xử lý phù hợp, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành;
- Về tính chất pháp lý của các tài sản bảo đảm liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 theo thông báo của ngân hàng:
 - + Quyền kinh doanh khai thác dự án gắn liền với Giấy phép hoạt động điện lực: Đây không phải là tài sản có thể tự do chuyển nhượng. Quyền này gắn liền với Giấy phép do Bộ Công Thương cấp cho pháp nhân cụ thể (công ty dự án). Việc chuyển giao quyền khai thác cho bên thứ ba đòi hỏi phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện thay đổi giấy phép, và trong nhiều trường hợp cần sự đồng ý của EVN theo Hợp đồng mua bán điện (PPA).
 - + Nguồn thu gắn liền với Hợp đồng mua bán điện (PPA): Toàn bộ nguồn thu từ dự án phát sinh từ PPA ký giữa công ty dự án và EVN. PPA là hợp đồng song phương, do đó việc chuyển nhượng quyền hưởng nguồn thu cho bên thứ ba cần có sự chấp thuận của bên mua điện (EVN). Đây không phải là quyền mà tổ chức tín dụng có thể đơn phương chuyển giao
 - + Máy móc, thiết bị và động sản của dự án: Đây là bộ phận cấu thành hệ thống vận hành của nhà máy điện gió, chính hệ thống này tạo ra nguồn thu đang là tài sản bảo đảm. Tại ngày lập báo cáo tài chính, chưa phát sinh việc thu giữ, kê biên, hay bàn giao thực tế bất kỳ tài sản nào; toàn bộ máy móc thiết bị vẫn do công ty dự án chiếm hữu và sử dụng.

Trên cơ sở các thông tin và bằng chứng hiện có tại ngày lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát đánh giá rằng chưa có đủ cơ sở đáng tin cậy để kết luận các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 06) đã bị suy giảm giá trị không thể phục hồi, hoặc các khoản phải thu liên quan (Thuyết minh 07, 08) không còn khả năng thu hồi. Do đó, Công ty không ghi nhận trích lập dự phòng bổ sung đối với các khoản mục này tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên Công ty vẫn xác nhận các khoản mục này có rủi ro và cần theo dõi.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát Công ty cam kết tiếp tục theo dõi sát diễn biến, đánh giá lại tác động khi có thông tin hoặc sự kiện mới phát sinh, và sẽ điều chỉnh việc trình bày báo cáo tài chính nếu cần thiết theo quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành.

Từ các cơ sở nêu trên, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát có cơ sở chắc chắn để đánh giá rằng báo cáo tài chính đã trích lập dự phòng đầy đủ và trình bày thông tin một cách trung thực, hợp lý cho các khoản phải thu và đầu tư tài chính liên quan, tuân thủ các quy định chuẩn mực kế toán hiện hành tại ngày lập báo cáo tài chính.

32 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISG.



Nguyễn Thị Kim Nhung
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Tan Bo Quan, Andy
Tổng Giám đốc
Ngày 13 tháng 05 năm 2026

